

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số 1144/QĐ-HVTC ngày 05 / 9 /2025 của Giám đốc Học viện Tài chính)

- NGÀNH ĐÀO TẠO:	QUẢN TRỊ KINH DOANH (Tên Tiếng Anh: Business Administration)
- MÃ NGÀNH:	7340101
- TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP (Tên Tiếng Anh: Corporate Governance)
- MÃ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:	03.01
- TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO:	Đại học (Chương trình chuẩn)
- HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:	Chính quy
- VĂN BẰNG TỐT NGHIỆP:	Cử nhân
- ĐƠN VỊ CẤP BẰNG:	Học viện Tài chính
- ÁP DỤNG TỪ NĂM TUYỂN SINH:	2025 (Từ khóa 63)

1. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO:

2.1. Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo (CTĐT) Quản trị doanh nghiệp, ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học là CTĐT định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, có kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp toàn diện.

Người học sau khi tốt nghiệp nắm vững nền tảng cơ bản về khoa học tự nhiên – xã hội, chính trị và pháp luật, ngoại ngữ, về kinh tế, tài chính, kế toán, marketing; chuyên sâu về lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và giải quyết vấn đề liên quan; có khả năng lãnh đạo, quản lý, làm việc khoa học, đổi mới và sáng tạo; phân tích, đánh giá, hoạch định, tổng hợp và thực hành nghề nghiệp; tự chủ, trách nhiệm, tự đào tạo và khởi nghiệp; thích ứng nhanh với môi trường làm việc thay đổi gắn với kỷ nguyên số; có ý thức kỷ luật, phục vụ cộng đồng và học tập suốt đời. Ngoài ra, người học được trang bị kiến thức chuyên sâu khác để mở rộng cơ hội nghề nghiệp hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objectives):

2.2.1. Về kiến thức

PO1: - Có kiến thức nền tảng về: khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; công nghệ thông tin (CNTT) và trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản để vận dụng vào nghề nghiệp, cuộc sống..

- Có kiến thức cơ bản về giáo dục quốc phòng và an ninh (GDQP&AN), giáo dục thể chất (GDTC) để vừa rèn luyện sức khỏe; sống có kỷ luật; có ý thức góp phần xây dựng phát triển đất nước.

PO2: Có kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, kế toán, quản trị để vận dụng và giải quyết tốt các vấn đề cơ bản của quản trị doanh nghiệp trong môi trường làm việc thực tế; có năng lực Tiếng Anh chuyên sâu và ứng dụng công nghệ số.

PO3: - Có kiến thức của ngành Quản trị kinh doanh (Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh du lịch) và ngành Marketing để làm nền tảng đào tạo chuyên sâu lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp.

- Có kiến thức chuyên môn khác về TC-NH, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh du lịch, Kinh tế bổ trợ cho ngành Quản trị kinh doanh, CTĐT Quản trị doanh nghiệp để người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu về lĩnh vực được đào tạo và mở rộng cơ hội nghề nghiệp sau tốt nghiệp.

PO4: - Có kiến thức lý thuyết sâu, rộng về lĩnh vực khởi nghiệp và tạo việc làm cho người lao động như: đánh giá điều kiện khởi nghiệp kinh doanh; tìm kiếm và lựa chọn ý tưởng kinh doanh; lập kế hoạch và triển khai công việc tạo lập một doanh nghiệp mới.

- Có kiến thức chuyên sâu về Quản trị doanh nghiệp để thực hiện công việc chuyên môn; quản lý, tư vấn, tham mưu ra quyết định tối ưu.

- Có kiến thức thực tế vững chắc, thực hành nghề nghiệp để lập báo cáo và thực tập tốt nghiệp.

2.2.2. Về kỹ năng

PO5: - Có kỹ năng nghề nghiệp của chuyên ngành được đào tạo để giải quyết những vấn đề cụ thể hoặc phức tạp liên quan đến lĩnh vực quản trị doanh nghiệp: kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và đánh giá các chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp, xử lý các vấn đề phát sinh trong quản trị con người và vận hành doanh nghiệp; kỹ năng thực hiện công việc tác nghiệp về sản xuất, chất lượng, nhân lực.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, làm việc khoa học và chuyên nghiệp; biết dẫn dắt chuyên môn, tự cập nhật kiến thức phục vụ công việc;...

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu đáp ứng yêu cầu chuẩn CNTT, ngoại ngữ theo quy định hiện hành để phục vụ công việc.

2.2.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PO6: - Có khả năng áp dụng kiến thức, kỹ năng đã được đào tạo để tổ chức, thực hiện tốt nhất công việc với nhóm, cá nhân, tập thể một cách khoa học, chuyên nghiệp; tự chịu trách nhiệm cá nhân; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật.

- Có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm, cộng đồng và xã hội.

2.3. Khả năng học tập nâng cao trình độ của người học sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn tại các cơ sở giáo dục đại học uy tín trong nước và quốc tế.

- Có khả năng tự học, cập nhật, bổ sung các kiến thức mới phục vụ công tác chuyên môn.

- Có khả năng tham gia các kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ và tự cập nhật, bổ sung kiến thức để dự thi lấy các chứng chỉ liên quan.

- Có cơ hội nhận được bằng đại học thứ 2 ngành khác của Học viện nếu người học đăng ký học cùng lúc 2 chương trình.

2.4. Về vị trí/chức danh làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp CTĐT Quản trị doanh nghiệp, ngành Quản trị kinh doanh của Học viện Tài chính có nhiều cơ hội nghề nghiệp và có khả năng đảm nhận các công việc chuyên môn đa dạng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh và các lĩnh vực khác doanh trong các doanh nghiệp trong nước và quốc tế cũng như các cơ quan Nhà nước và tổ chức đào tạo và nghiên cứu. Cụ thể:

- Trong các doanh nghiệp:

- Vị trí công việc chuyên môn quản trị: Quản lý nhân sự; Quản trị chiến lược; Quản lý/Giám sát hoạt động sản xuất; Chuyên viên Quản lý chất lượng, Quản lý rủi ro; Quản lý/Giám sát kinh doanh quốc tế, Quản lý chuỗi cung ứng; Chuyên gia tư vấn quản trị doanh nghiệp; Quản lý dự án,

- Vị trí công việc về kinh doanh và marketing: Chuyên viên Kinh doanh; Chuyên viên Quan hệ khách hàng; Chuyên viên Chăm sóc khách hàng,...

- Chủ doanh nghiệp, nhà đầu tư:

Áp dụng kiến thức về quản trị doanh nghiệp, marketing và tài chính, kế toán, người học tự khởi nghiệp kinh doanh, tạo lập và điều hành doanh nghiệp của bản thân và gia đình.

- Trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức đào tạo và nghiên cứu:

+ Chuyên gia tư vấn, phân tích, dự báo, nghiên cứu viên về lĩnh vực quản trị kinh doanh: Làm việc tại các bộ phận chức năng của cơ quan quản lý Nhà nước, các Bộ, ngành hoặc địa phương; Tham gia tư vấn, nghiên cứu tại các viện nghiên cứu, trung tâm ở trung ương và địa phương.

+ Giảng viên, trợ giảng: Giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đào tạo trình độ đại học, sau đại học; tham gia giảng dạy tại các Trường Cao đẳng hoặc các khóa ngắn hạn, phổ biến kiến thức mới liên quan đến nghề nghiệp đào tạo.

3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLO: Program Learning Outcomes):

Người học sau khi tốt nghiệp CTĐT Quản trị doanh nghiệp, ngành Quản trị kinh doanh đạt chuẩn về kiến thức của trình độ đại học; có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp; có kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp, ứng xử; có khả năng tự chủ và trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Cụ thể:

3.1. Về kiến thức:

3.1.1 Kiến thức giáo dục đại cương:

PLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam vào phân tích, giải quyết các vấn đề thực tiễn và cuộc sống; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan tiên bộ, phương pháp luận khoa học để học tập, nghiên cứu và làm việc chuyên môn.

PLO2: - Hiểu và giải thích được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, pháp luật, để phục vụ nghiên cứu tổng quan, nghiên cứu khoa học và giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc phạm vi công việc được giao.

- Hiểu và vận dụng được kiến thức về CNTT, có nền tảng trí tuệ nhân tạo (AI), Tiếng Anh cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc.

PLO3: Nắm vững kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh để rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu, làm việc và hội nhập quốc tế.

3.1.2. Kiến thức cơ sở khối ngành, cơ sở ngành, ngành và bổ trợ

*** Kiến thức cơ sở khối ngành và cơ sở ngành:**

PLO4: - Hiểu và vận dụng được những nội dung lý thuyết cơ bản của nguyên lý kinh tế học, nghiên cứu các hoạt động của nền kinh tế dưới góc độ tổng thể, cùng các vấn đề chính sách liên quan đến hoạt động của từng thị trường trong việc ra quyết định của các chủ thể kinh tế, đồng thời giải thích được một số vấn đề kinh tế cụ thể mà thực tiễn đặt ra.

- Hiểu và vận dụng kiến thức nền tảng, cơ bản về kế toán, tài chính tiền tệ, pháp luật, thống kê, kinh tế lượng và kiến thức cốt lõi về quản trị kinh doanh để phát hiện, nhận diện, phân tích, đánh giá, giải quyết vấn đề chuyên môn liên quan lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; vận dụng, phân tích Tiếng Anh kinh tế, Tiếng Anh chuyên ngành phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu chuyên sâu.

*** Kiến thức ngành và bổ trợ:**

PLO5: - Vận dụng, phân tích kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh trong mối quan hệ chặt chẽ với các lĩnh vực liên quan khác.

- Vận dụng, phân tích, đánh giá, luận giải, tổng hợp được một số vấn đề chuyên sâu/ nghiệp vụ cụ thể: Quản trị doanh nghiệp, Quản trị kinh doanh, Quản trị chiến lược, Quản trị rủi ro, Quản trị kinh doanh du lịch, Quản trị kinh doanh dịch vụ quốc tế, Văn hóa doanh nghiệp, Marketing căn bản làm cơ sở cho nghiên cứu chuyên sâu về Quản trị doanh nghiệp.

PLO6: Vận dụng, phân tích các kiến thức chuyên sâu cụ thể về: Tài chính doanh nghiệp căn bản; Kế toán tài chính cơ bản; Kế toán quản trị căn bản; Phân tích tài chính doanh nghiệp; Thị trường tài chính; Kinh tế du lịch; Tổ chức sự kiện; Quản lý nhà nước về kinh tế; Khoa học quản lý; Hành vi tổ chức trong tiếp cận, giải quyết vấn đề để hỗ trợ chuyên môn cho lĩnh vực Quản trị doanh nghiệp; hướng tới liên thông ngang sang các ngành đào tạo khác cùng khối ngành kinh tế và hướng tới để mở rộng cơ hội nghề nghiệp.

3.1.3. Kiến thức chuyên ngành

PLO7: - Phân tích, đánh giá kiến thức cơ bản và chuyên sâu về khởi nghiệp kinh doanh để nắm bắt cách thức lựa chọn ý tưởng và lập kế hoạch kinh doanh, tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp, nắm bắt cách thức huy động vốn, triển khai nhân lực, mua sắm trang thiết bị, phương thức bán hàng, thiết lập các mối quan hệ kinh doanh và xây dựng các chiến lược giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

- Phân tích, đánh giá, tổng hợp có hệ thống kiến thức chuyên sâu về: quản trị nguồn nhân lực, quản trị sản xuất và tác nghiệp, quản trị chất lượng, quản trị công nghệ, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Cụ thể:

+ Quản trị nguồn nhân lực: Lập kế hoạch nguồn nhân lực, triển khai hoạt động tuyển dụng, đào tạo và phát triển đội ngũ nhân lực, đánh giá năng lực thực hiện công việc của nhân viên, xây dựng chính sách đãi ngộ và phát triển mối quan hệ lao động trong doanh nghiệp.

+ Quản trị sản xuất và tác nghiệp: Dự báo nhu cầu; lựa chọn sản phẩm, dịch vụ; xác định công suất sản xuất, xác định địa điểm xây dựng doanh nghiệp và bố trí sản xuất; hoạch định vật tư và dự trữ hợp lý; điều độ nhịp nhàng quá trình sản xuất,...

+ Quản trị chất lượng: Nắm bắt các nguyên tắc quản trị chất lượng; thiết kế và quản trị hệ thống chất lượng; nâng cao chất lượng dịch vụ và quản trị chi phí chất lượng; áp dụng các công cụ thống kê chất lượng, đảm bảo và cải tiến chất lượng.

+ Quản trị công nghệ: Triển khai hoạt động dự báo công nghệ, nghiên cứu và phát triển công nghệ, chuyển giao và thích ứng công nghệ, quản trị trang thiết bị và cơ sở dữ liệu về công nghệ, hoạch định chiến lược đổi mới công nghệ, phát triển năng lực công nghệ của doanh nghiệp.

+ Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Định hình chiến lược của doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm xã hội; triển khai các tiêu chuẩn trách nhiệm xã hội, truyền thông trách nhiệm xã hội, tiến hành báo cáo, đánh giá và cải tiến chương trình trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

PLO8: Thiết kế, xây dựng, phát triển được kiến thức thực tế, chuyên sâu; kiến thức thực tế, thực hành nghề nghiệp quản trị doanh nghiệp tại các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế để đạt kiến thức chung về thực tập tốt nghiệp.

3.2. Về kỹ năng

PLO9: - Có kỹ năng hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá, tổng hợp, báo cáo, đề xuất, tham mưu và giải quyết vấn đề chuyên sâu thuộc lĩnh vực Quản trị kinh doanh; am hiểu lĩnh vực khác bổ trợ ngành; thực hành và sử dụng phần mềm chuyên môn thành thạo.

- Có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn; tự bổ sung, cập nhật kiến thức mới, tiếp tục nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc trong các môi trường làm việc khác nhau.

- Có kỹ năng nghiên cứu khoa học; tư duy đổi mới và sáng tạo; luận giải logic các vấn đề thực tiễn đặt ra một cách thuyết phục và có căn cứ thực hiện.

- Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử và thuyết trình; soạn thảo văn bản; quản lý và tổ chức công việc; tư duy phản biện và đàm phán; quản lý thời gian và làm việc nhóm; làm việc độc lập, khoa học và chuyên nghiệp; thấu hiểu để giải quyết tốt vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng khởi nghiệp, tự chủ và tự chịu trách nhiệm cá nhân; thiết lập và duy trì các mối quan hệ để giải quyết tốt công việc liên quan.

PLO10: - Có năng lực học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn tối thiểu kỹ năng CNTT cơ bản hoặc tương đương và năng lực số quy định hiện hành; tìm kiếm, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu có ích và xử lý tốt thông tin, dữ liệu;.

- Có kỹ năng học tập, nghiên cứu để đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ (Tiếng Anh) tối thiểu 3/6 hoặc tương đương theo quy định của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng hiệu quả Tiếng Anh trong công việc chuyên môn nghề nghiệp và cuộc sống.

3.3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO11: - Có phẩm chất đạo đức tốt, thấu hiểu; có sức khỏe; tư duy đổi mới và cầu tiến; năng động và sáng tạo; chủ động, trung thực, khách quan và công tâm khi giải quyết công việc; tự tin và kiên trì theo đuổi mục tiêu; có khả năng lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực được đào tạo chuyên sâu.

- Có tinh thần phối hợp công việc với cá nhân, nhóm, tổ chức, xã hội trong hoạt động chuyên môn và cuộc sống.

PLO12: - Có tinh thần học tập suốt đời; thích ứng nhanh với môi trường thay đổi; tự cập nhật, đào tạo để khởi nghiệp và phát triển nghề nghiệp; có ý thức kỷ luật; tuân thủ pháp luật; phục vụ cộng đồng; có trách nhiệm với tập thể/đơn vị, với nhóm và cộng đồng.

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, TIÊU CHÍ TUYỂN SINH VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT; quy chế tuyển sinh và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

4.1. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương.

4.2. Tiêu chí tuyển sinh:

- Thí sinh dự tuyển phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của quy chế, quy định và thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

4.3. Phương thức tuyển sinh: Phương thức tuyển sinh được quy định rõ về các tiêu chí đánh giá, xét tuyển, cách thức tính điểm xét và xác định điều kiện trúng tuyển trong thông báo tuyển sinh hàng năm của Học viện Tài chính.

5. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình tổng thể

TT	Nhóm kiến thức	Số TC	Ghi chú
A	Kiến thức giáo dục đại cương	41	
A1	Kiến thức chung	30	
	Phần bắt buộc	24	
	Phần tự chọn	6	
A2	Kiến thức GDQP&GDTC (*)	11	
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	90	
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành	6	
B2	Kiến thức cơ sở ngành	24	
B3	Kiến thức ngành	16	
B4	Kiến thức chuyên ngành	14	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	2	
B5	Kiến thức bổ trợ	20	
	Phần bắt buộc	12	
	Phần tự chọn	8	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10	
	Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131	
	Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120	

Ghi chú: - (*) Khối lượng kiến thức GDQP&AN: 8 tín chỉ và GDTC: 3 tín chỉ.

- Quy định về ký hiệu mã môn học trong các chương trình đào tạo: Từng môn học được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

5.2. Cấu trúc chương trình chi tiết

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
A		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	41		
A1		Kiến thức chung	30		
		<i>Phần bắt buộc</i>	24		
1	MPT0400	Triết học Mác -Lênin	3	45	
2	MPT0401	Kinh tế chính trị Mác -Lênin	2	30	
3	SSO0402	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	
4	VPP0401	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	
5	HVE0244	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	
6	BFL0123	Tiếng Anh cơ bản	4	60	
7	AMA0239	Toán cao cấp	3	45	
8	PAS0101	Lý thuyết xác suất và thống kê	2	30	
9	GLA0141	Pháp luật đại cương	2	30	
10	ITO0236	Tin học	2	30	
		<i>Phần tự chọn</i>	6		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
11	SRM0300	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	
		<i>Nhóm 2</i>	4		
12	SOC0248	Xã hội học	2	30	
13	ALI0100	Trí tuệ nhân tạo	2	30	
14	EEC0097	Kinh tế môi trường	2	30	
15	PAM0148	Quản lý hành chính công	2	30	
A2		Kiến thức GDQP&AN, GDTC	11		
16	MED0345	Giáo dục quốc phòng	8	165	
	AED0030	Giáo dục thể chất	3	90	
		<i>Phần bắt buộc</i>	1		
17	AED0350	Chạy cự ly ngắn	1	30	
18	AED0358	Thể dục phát triển chung	1	30	Online
		<i>Phần tự chọn</i>	2		
19	AED0351	Bóng rổ	2	60	
20	AED0352	Bóng chuyền	2	60	
21	AED0353	Bơi	2	60	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
22	AED0354	Bóng bàn	2	60	
23	AED0355	Cầu lông	2	60	
24	AED0356	Taekwondo	2	60	
25	AED0359	Thử dực phát triển chung với dụng cụ	2	60	Online
B		PHẦN KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP	90		
B1		Kiến thức cơ sở khối ngành	6		
26	MAE0012	Kinh tế vĩ mô cơ bản	3	45	
27	MIE0011	Kinh tế vi mô cơ bản	3	45	
B2		Kiến thức cơ sở ngành	24		
28	EFL0012	Tiếng Anh kinh tế	3	45	
29	EFL0011	Tiếng Anh chuyên ngành	4	60	
30	FAM0193	Tài chính tiền tệ	2	30	
31	APR0123	Nguyên lý kế toán	4	60	
32	SPR0124	Nguyên lý thống kê	3	45	
33	ELA0143	Pháp luật kinh tế	2	30	
34	FMA0180	Quản trị học	4	60	
35	QEC0097	Kinh tế lượng cơ bản	2	30	
B3		Kiến thức ngành	16		
36	BUA0121	Quản trị doanh nghiệp	2	30	
37	GMA0111	Marketing căn bản	2	30	
38	SMA0161	Quản trị chiến lược	2	30	
39	CCU0246	Văn hóa doanh nghiệp	2	30	
40	RIM0610	Quản trị rủi ro	2	30	
41	BMT1001	Quản trị kinh doanh du lịch	2	30	
42	BMA0167	Quản trị kinh doanh	2	30	
43	ISB0102	Quản trị kinh doanh dịch vụ quốc tế	2	30	
B4		Kiến thức chuyên ngành	14		
		<i>Phần bắt buộc</i>	12		
44	SBU0410	Khởi nghiệp kinh doanh	2	30	
45	RMA0172	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	
46	PMA0900	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	4	60	
47	QMA1111	Quản trị chất lượng	3	45	

TT	Mã môn học	Môn học	Số TC	Số tiết	NNGD (T.Anh)
		Phần tự chọn	2		
48	TEM1102	Quản trị công nghệ	2	30	
49	CSR1020	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	2	30	
B5		Kiến thức bổ trợ	20		
		Phần bắt buộc	12		
50	CFI0301	Tài chính doanh nghiệp căn bản	2	30	
51	CFA0133	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	45	
52	AFB0010	Kế toán tài chính cơ bản	4	60	
53	OEE1010	Tổ chức sự kiện	3	45	
B5		Phần tự chọn	8		
		<i>Nhóm 1</i>	2		
54	CPS0001	Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình	1	15	
55	TES0002	Kỹ năng soạn thảo văn bản	1	15	
56	MWS0003	Kỹ năng quản lý và tổ chức công việc	1	15	
57	CNS0004	Kỹ năng tư duy phản biện và đàm phán	1	15	
58	TTS0005	Kỹ năng quản lý thời gian và làm việc nhóm	1	15	
		<i>Nhóm 2</i>	6		
59	SME0294	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30	
60	SMI0196	Thị trường tài chính	2	30	
61	TME0300	Kinh tế du lịch	2	30	
62	MSI0056	Khoa học quản lý	2	30	
63	MAC0030	Kế toán quản trị căn bản	2	30	
64	ORB1110	Hành vi tổ chức (Organizational Behaviour)	2	30	Tiếng Anh
B6		Kiến thức thực tập tốt nghiệp	10		
65	SPR0301	Thực tập tốt nghiệp – 03.01	10	150	
		<i>Thực tập cuối khóa (thực hành)</i>	4	60	
		<i>Luận văn tốt nghiệp</i>	6	90	
		Tổng số tín chỉ (gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	131		
		Tổng số tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức GDQP&AN, GDTC)	120		

Ghi chú: - Môn học GDTC (online) áp dụng thay thế khi tổ chức học trực tuyến
- Ngôn ngữ giảng dạy (NNGD) chỉ xác định với môn học giảng bằng Tiếng Anh

5.3. Kế hoạch giảng dạy toàn khóa (dự kiến)

TT	NỘI DUNG	HỌC KỲ							
		(dấu x là các kỳ có thể bố trí)							
		1	2	3	4	5	6	7	8
A	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG								
A1	Kiến thức chung	x	x	x	x	x			
	Phần bắt buộc	x	x	x					
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x			
A2	Kiến thức GDQP&AN, GDTC	x	x	x	x	x	x		
B	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP								
B1	Kiến thức cơ sở khối ngành		x	x					
B2	Kiến thức cơ sở ngành		x	x	x	x			
B3	Kiến thức ngành			x	x	x	x	x	
B4	Kiến thức chuyên ngành				x	x	x		
	Phần bắt buộc				x	x	x		
	Phần tự chọn				x	x	x		
B5	Kiến thức bổ trợ				x	x	x	x	
	Phần bắt buộc				x	x	x	x	
	Phần tự chọn	x	x	x	x	x	x	x	
B6	Kiến thức thực tập tốt nghiệp						x	x	x

Ghi chú: Kế hoạch giảng dạy trên có tính chất tương đối, việc bố trí kế hoạch giảng dạy thực tế hàng năm phải căn cứ vào quy định về điều kiện học tập của môn học.

6. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP.

6.1. Quy trình đào tạo

- CTĐT được thiết kế hoàn thành khóa học 4 năm với tổng 8 học kỳ (trong đó: tối đa 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại Học viện và 1 học kỳ thực tập tại cơ sở thực tế/Trung tâm thực hành nghề nghiệp và hoàn thành luận văn tốt nghiệp). Tuy nhiên, tùy theo năng lực của người học có thể hoàn thành khóa học sớm hơn quy định.

- Quy trình đào tạo thực hiện theo quy chế đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Học viện Tài chính.

6.2. Phương pháp giảng dạy:

- Phương pháp dạy học theo hướng lấy người học làm trung tâm của quá trình đào tạo.

- Phương pháp giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung và chuẩn đầu ra của môn học; tích hợp kiến thức lý thuyết, thực tiễn và kỹ năng; tăng cường tính thực tiễn mang lại hiệu quả để giúp sinh viên đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học trong CTĐT.

- Phương pháp dạy học được áp dụng là phương pháp dạy học tích cực nhằm thúc đẩy sự sáng tạo, chủ động và tích cực của sinh viên; cụ thể: **1)** Phương pháp thuyết giảng; **2)** Phương pháp thảo luận; **3)** Phương pháp làm việc

nhóm; 4) Phương pháp tranh biện; 5) Phương pháp tình huống; 6) Phương pháp trải nghiệm thực tế; 7) Phương pháp thực hành; 8) Các PP khác phù hợp với đặc thù của môn học/CTĐT.

- Phương pháp giảng dạy khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy - học; kết hợp giữa giảng dạy trên lớp và giảng dạy trên nền tảng số,... nhằm phát triển năng lực nhận biết và phân tích vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường giảng dạy theo hình thức hướng dẫn, chú trọng hoạt động trải nghiệm cho sinh viên theo hình thức phù hợp nhằm tăng tính trực quan, tăng động lực học tập, sáng tạo, cải thiện khả năng ứng dụng kiến thức, kỹ năng vào các vấn đề thực tế.

6.3. Đánh giá kết quả học tập và cách thức đánh giá:

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT.

- Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, xác định mức độ đạt được của người học quy định trong chuẩn đầu ra của mỗi môn học; đánh giá không chỉ tập trung vào kiến thức mà còn đánh giá được năng lực thông qua thực hành phù hợp với phương pháp dạy học, giải quyết vấn đề thực tế, kỹ năng và thái độ của sinh viên.

- Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên đánh giá quá trình và kết quả đánh giá kết thúc môn học; làm cơ sở để điều chỉnh hoạt động dạy - học, ghi nhận và thúc đẩy sự tiến bộ của người học, cải tiến và tổ chức thực hiện CTĐT.

- Phương pháp đánh giá kết quả học tập phù hợp với chuẩn đầu ra của môn học; đặc điểm môn học; phương pháp giảng dạy; đảm bảo tính đa dạng, độ tin cậy và sự công bằng trong hoạt động dạy - học.

- Các thành phần đánh giá kết quả học tập được công khai và có tỷ lệ phù hợp, bao gồm: đánh giá quá trình và đánh giá tích lũy kiến thức; có thể bổ sung các phương pháp đánh giá nếu thấy phù hợp; khuyến khích sinh viên tích lũy kiến thức thông qua việc tự nghiên cứu, tự học.

- Các thành phần đánh giá bao gồm:

+ Đánh giá quá trình: có thể dưới hình thức đánh giá ý thức học tập của sinh viên (chuyên cần, thái độ học tập), đánh giá bài tập cá nhân, bài tập nhóm và kiểm tra giữa kỳ theo quy định đào tạo phù hợp với số tín chỉ quy định trong CTĐT.

+ Đánh giá tích lũy kiến thức: có thể dưới hình thức thi kết thúc môn học hoặc các hình thức khác đánh giá kết thúc môn học.

+ Đánh giá kết quả học tập theo thang điểm 10 kết hợp với thang điểm chữ A, B, C, D, F theo quy định đào tạo hiện hành của Học viện Tài chính.

6.4. Điều kiện công nhận tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định đào tạo tín chỉ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các quy định của Học viện Tài chính.

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Mỗi CTĐT được xây dựng bản mô tả CTĐT chi tiết riêng. Việc tổ chức xây dựng CTĐT Quản trị doanh nghiệp (Chương trình chuẩn) phù hợp với ngành Quản trị kinh doanh; với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, chiến lược phát triển đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện Tài chính.
- Nội dung CTĐT Quản trị doanh nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Học viện Tài chính.
- Định kỳ, Học viện tổ chức rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT trình độ đại học của ngành và CTĐT thuộc ngành theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TRƯỞNG KHOA



Vũ Duy Nguyên

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đào Tùng